

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Hội đồng và ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Kế hoạch số 995/KH-UBND ngày 18/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2040/SNV-CCHC ngày 22/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Hội đồng) cụ thể như sau:

1. Thành phần Hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ.

- Thành viên Hội đồng:

+ Đại diện lãnh đạo các Sở: Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Tư pháp.

+ Tổ trưởng Tổ kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ, thành viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hằng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo Bộ Tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước

hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 21/5/2018.

3. Hội đồng có Tổ giúp việc do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính nhà nước hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm và ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính nhà nước hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các thành phần nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;^(b/c)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT&TH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KTTH_g

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa

QUY CHẾ

Kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước; việc kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.
2. Tổ giúp việc của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước.
3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan (*sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị*).

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước

1. Công tác kiểm tra, đánh giá, chấm điểm phải được tiến hành công khai, khách quan, công bằng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; việc kiểm tra không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng, Tổ giúp việc của Hội đồng và các cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra.
2. Kết quả kiểm tra, đánh giá, chấm điểm phải phản ánh chính xác tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra.

Chương II

KIỂM TRA THỰC TẾ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Nội dung kiểm tra

1. Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Việc công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

b) Việc thực hiện quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC.

2. Công tác hiện đại hóa nền hành chính

a) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước;

b) Việc thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính;

3. Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa;

b) Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông;

c) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC;

d) Thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức, người lao động làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

đ) Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

e) Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế cửa liên thông;

f) Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Điều 5. Quy trình kiểm tra

1. Chuẩn bị kiểm tra

a) Xây dựng lịch kiểm tra

- Sở Nội vụ có trách nhiệm xây dựng lịch kiểm tra gửi các thành viên Hội đồng tham gia ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng ký ban hành;

- Lịch kiểm tra phải được ban hành trước ngày 15/11 hàng năm và không được điều chỉnh trừ trường hợp thật sự cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Chuẩn bị tài liệu, phương tiện đi lại, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác kiểm tra.

- Các thành viên Hội đồng và Tổ giúp việc của Hội đồng trong phạm vi nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác kiểm tra;

- Sở Nội vụ có trách nhiệm bố trí phương tiện đi lại phục vụ công tác kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra

a) Trước khi tiến hành kiểm tra, Hội đồng, Tổ giúp việc của Hội đồng thông báo với cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra biết để phối hợp triển khai, thực hiện.

b) Các thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng tiến hành kiểm tra thực tế, chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định kiểm tra thực tế tại các cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra theo nhiệm vụ được phân công.

c) Tổng hợp kết quả kiểm tra

- Sau khi các thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng hoàn tất nội dung kiểm tra, chấm điểm, Tổ trưởng Tổ giúp việc có trách nhiệm tổng hợp để chuẩn bị kết thúc kiểm tra.

- Các thành viên Tổ giúp việc chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với kết quả kiểm tra, chấm điểm do mình phụ trách.

3. Kết thúc kiểm tra

a) Việc kiểm tra kết thúc thông qua cuộc họp giữa Tổ giúp việc của Hội đồng với đại diện cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra.

b) Việc kết thúc kiểm tra phải được lập thành biên bản có chữ ký của đại diện lãnh đạo và con dấu của cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra và chữ ký của Tổ trưởng Tổ giúp việc của Hội đồng. Biên bản nêu rõ điểm số đạt được trên tổng điểm của các tiêu chí, tiêu chí thành phần kiểm tra thực tế.

Điều 6. Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra

Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra được chi từ nguồn kinh phí cải cách hành chính hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ quản lý.

Trường hợp phát sinh vượt khả năng kinh phí được giao, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) xem xét, quyết định.

Chương III

TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 7. Hội đồng đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị (gọi tắt là Hội đồng)

1. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Hội đồng do thủ trưởng đơn vị thành lập, có từ 05 đến 07 thành viên, gồm: Lãnh đạo đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo Văn phòng (hoặc Phòng Tổ chức - Hành chính) làm Thư ký; đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, trưởng một số phòng, ban chuyên môn và công chức trực tiếp tham mưu, phụ trách công tác cải cách hành chính của đơn vị làm thành viên.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Hội đồng tự đánh giá, chấm điểm do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, có từ 05 đến 07 thành viên, gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Phòng Nội vụ hoặc Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Thư ký, trưởng một số phòng, ban chuyên môn và công chức trực tiếp tham mưu, phụ trách công tác cải cách hành chính của đơn vị làm thành viên.

Hội đồng của cấp huyện bên cạnh nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị mình còn thực hiện nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công bố kết quả xếp loại công tác cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Khi nhân sự của Hội đồng có sự thay đổi, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm kiện toàn Hội đồng theo thẩm quyền.

Điều 8. Phạm vi tự đánh giá, chấm điểm

Các cơ quan, đơn vị chỉ thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần được ghi chú "tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh" tại cột Phương pháp đánh giá của các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Phương pháp tự đánh giá, chấm điểm

1. Dựa vào thang điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, các cơ quan, đơn vị đối chiếu với kết quả công việc của cơ quan, đơn vị mình đã làm được hoặc chưa làm được để tự đánh giá, chấm điểm cho từng tiêu chí thành phần theo các thang điểm tương ứng và trích dẫn tài liệu kiểm chứng liên quan (nếu rõ số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản tại cột Tài liệu kiểm chứng của Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm).

2. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không xác định được tài liệu kiểm chứng, các cơ quan, đơn vị thuyết minh, giải trình cụ thể về phương pháp tự đánh giá, chấm điểm trong Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm.

3. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần 4.2, 4.5.2, 4.6, 5.3, 6.1.2, 6.2 (Phụ lục của các sở, ban, ngành ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-UBND) và 4.4.2, 6.1.2, 6.2 (Phụ lục của cấp huyện ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-UBND), nếu trong năm không phát sinh nhiệm vụ thì không thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm.

Điều 10. Thời gian tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá, chấm điểm và gửi hồ sơ Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm

1. Thời gian thực hiện công tác tự đánh giá, chấm điểm phải được bắt đầu sau ngày 01/11 hàng năm.

2. Trước ngày 20/11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan, đơn vị mình về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước của tỉnh thẩm định.

Điều 11. Hồ sơ báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm

1. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị bao gồm các nội dung chính như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm (*các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh áp dụng Phụ lục I, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố áp dụng Phụ lục II được ban hành kèm theo Quyết định số 500/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

- Thuyết minh, giải trình đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng.

- Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất (*nếu có*).

2. Tài liệu kiểm chứng

- Tài liệu kiểm chứng đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần là các văn bản (*quyết định, kế hoạch, báo cáo, công văn...*) đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến Sở Nội vụ bằng hình thức file điện tử định dạng ".pdf" có đầy đủ con dấu, chữ ký theo thẩm quyền về hộp thư điện tử Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ (cchc.kt@gmail.com). Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

Điều 12. Thẩm định Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm; xác định tổng điểm đạt được và xếp loại

1. Trên cơ sở Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm; tài liệu kiểm chứng; quá trình theo dõi công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị và quy định về các thang điểm tại Bộ tiêu chí, Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước của tỉnh tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng gửi kèm và không thuyết minh, giải trình cụ thể thì Hội đồng áp dụng mức điểm thấp nhất đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần đó.

2. Chỉ số cải cách hành chính được tính theo công thức: Tổng điểm đạt được/Tổng điểm tối đa x 100% - trong đó:

- Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không phải 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá).

- Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh thẩm định hoặc kiểm tra thực tế.

3. Căn cứ vào kết quả Chỉ số cải cách hành chính, Hội đồng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả xếp loại như sau:

- Loại Xuất sắc: Chỉ số đạt từ 90 đến 100;
- Loại Tốt: Chỉ số đạt từ 80 đến dưới 90;
- Loại Khá: Chỉ số đạt từ 65 đến dưới 80;
- Loại Trung bình: Chỉ số đạt từ 50 đến dưới 65;
- Loại Yếu: Chỉ số đạt được dưới 50.

Chương IV **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

Điều 13. Khen thưởng

Kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính hàng năm là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan, đơn vị xếp loại Trung bình trở xuống hoặc bị hạ hai bậc xếp loại so với năm trước liền kề thì tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó không được xét thi đua, khen thưởng toàn diện trong năm đánh giá.

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kỷ luật

Các cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm các quy định của pháp luật và nội dung Quy chế này thì tùy theo mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước; Tổ giúp việc của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước; các cơ quan, đơn vị là đối tượng kiểm tra và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, kiện toàn, giải thể Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính nhà nước theo quy định.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc; tổ chức thẩm định, xếp loại kết quả công tác cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trong Quý I hàng năm để theo dõi.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)
Nguyễn Văn Hòa